

Bản án số: 1093/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2022

V/v: Tranh chấp hủy việc
kết hôn trái pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Đắc

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2022, về “tranh chấp hủy việc kết hôn trái pháp luật”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: HKTT: Số X đường Y, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Địa chỉ liên lạc: Đường Z, Phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh). *(có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn: Ông Tô Vi H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số M đường N, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu xét xử vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 50 đường Hoàng Sĩ Khải, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H (Giấy ủy quyền ngày 19/7/2022) *(có mặt tại phiên tòa)*

- Bà Nguyễn Thu V.

Địa chỉ: Số M đường N, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thu L trình bày:

Vào năm 1992, bà Nguyễn Thu L chung sống như vợ chồng với ông Huỳnh C và có 02 con chung là Huỳnh A sinh năm 1993 và Huỳnh M sinh năm 1998. Do mâu thuẫn nên sau đó bà L và ông C không chung sống với nhau nữa.

Đến năm 2006, bà L chung sống như vợ chồng với ông Thạch C và có 01 con chung là Thạch H sinh năm 2008. Nay do muốn kết hôn với ông C nên bà L liên hệ Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục xác nhận độc thân thì bị từ chối vì lý do theo hồ sơ tại Ủy ban phường thì bà L đã từng đăng ký kết hôn. Bà L đã yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8 cung cấp bản trích lục giấy đăng ký kết hôn thì được cung cấp bản trích lục kết hôn số 67 ngày 19/11/1991, tên Nguyễn Thu L kết hôn với ông Tô Vi H. Điều bất ngờ là ông Tô Vi H chính là anh rể của bà L, tức là chồng trên thực tế bà Nguyễn Thu V, là chị gái ruột của bà L. Bản thân bà L, bà V và ông H đều không biết chữ, không biết có phải vì lý do này mà bà V đã cầm nhảm giấy tờ tùy thân của bà L để đi đăng ký kết hôn hay hay như thế nào bà L cũng không biết rõ, nhưng bà L khẳng định là không kết hôn với ông Tô Vi H.

Thực tế thì ông Tô Vi H và bà Nguyễn Thu V là vợ chồng, có 05 người con chung là Tô Mỹ T (sinh năm 1992), Tô Chí D (sinh năm 1998), Tô Bội T (sinh năm 2000), Tô Chí P (sinh năm 2003) và Tô Chí Ph (sinh năm 2006).

Do bà L và ông H không kết hôn, không có quan hệ vợ chồng nên bà L khởi kiện yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật với Tô Vi H.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung. Về tài sản riêng của ai người đó có quyền sở hữu.

Về con chung: bà L và ông H không có con chung, con của ai sinh ra trong thời gian từ năm 1991 đến năm 2021 (năm kết hôn và năm yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật) thì người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ai.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2022, bị đơn là ông Tô Vi H trình bày:

Ông không hề đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thu L. Thực tế thì ông Tô Vi H là chồng của bà Nguyễn Thu V, là anh rể của bà Nguyễn Thu L. Ông H khẳng định chỉ đăng ký kết hôn với bà V chứ không phải bà L. Ông H và bà V có với nhau 05 người con chung gồm:

- 1/Tô Mỹ T sinh năm 1992;
- 2/Tô Chí D sinh năm 1998;
- 3/Tô Bội T, sinh năm 2000;
- 4/Tô Chí P, sinh năm 2003;

5/Tô Chí Ph, sinh năm 2006;

Ông H không biết tại sao năm 1991 lại có hồ sơ đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thu L tại UBND Phường 14, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, có thể do ông H, bà V không biết chữ, nên bà V cầm nhầm giấy Chứng minh nhân dân của bà L đi đăng ký kết hôn hay như thế nào ông H cũng không nhớ rõ vì sự việc đã xảy ra khá lâu rồi, nhưng ông H khẳng định là chỉ kết hôn với bà Nguyễn Thu V.

Nay ông H đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật với bà Nguyễn Thu L.

Về tài sản chung và nợ chung: ông H và Liễu không có tài sản chung, không có nợ chung.

Về tài sản riêng của ai người đó có quyền sở hữu, ông H không tranh chấp với bà L, ngược lại bà L không được tranh chấp với ông H. Nợ riêng của ai thì người đó có trách nhiệm tự giải quyết.

Về con chung: bà L và ông H không có con chung, con của ai sinh ra trong thời gian từ năm 1991 đến năm 2021 (năm kết hôn và năm yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật) thì người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ai.

Do hoàn cảnh vợ chồng Tô Vi H – bà Nguyễn Thu V đi xa không có mặt tại địa phương, nên không thể đến Tòa án ghi lời khai và tham gia quá trình giải quyết vụ án nên đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, xét xử và giải quyết của Tòa án.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có ông Nguyễn Đức H đại diện có ý kiến như sau:

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ, sổ sách lưu trữ tại Phường 14 thì có hồ sơ đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Thu L và ông Tô Vi H theo giấy chứng nhận kết hôn số 67 do Ủy ban nhân dân Phường 14 Quận 8 cấp ngày 19/11/1991.

Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8 đã chuyển Công an Phường tiến hành xác minh các nội dung theo yêu cầu của Tòa án, kết quả:

- Ông Tô Vi H và bà Nguyễn Thu L không có quan hệ vợ chồng. Cả hai không có con chung.

- Ông Tô Vi H có vợ là bà Nguyễn Thu V (Sinh năm 1970, hộ khẩu M đường N Phường 14 Quận 8). Hai ông bà có tất cả 05 người con chung gồm: Tô Mỹ T, Tô Chí D, Tô Bội T, Tô Chí P, Tô Chí Ph)

- Hiện bà Nguyễn Thu L không còn cư ngụ tại địa chỉ X đường Y Phường 14 Quận 8 nên Công an Phường 14 không xác thực được mối quan hệ của bà L với ông Thạch Chung.

Do thời điểm đăng ký kết hôn giữa ông Tô Vi H và bà Nguyễn Thu L từ năm 1991 đã quá lâu, các cán bộ, công chức phụ trách thời điểm đó đã nghỉ hưu hoặc luân chuyển nên Ủy ban Phường 14, Quận 8 không thể xác minh được quy trình đăng ký kết hôn thời điểm có đúng hay không và có đúng người đăng ký kết hôn hay không. Nay bà Nguyễn Thu L khởi kiện yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật với ông Tô Vi H thì Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8 không

có ý kiến gì đối với yêu cầu này của bà L, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 8 giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thu V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, do thực tế không hề đăng ký kết hôn với ông Tô Vi H nên đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thu L và ông Tô Vi H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung đều không có.

Đại diện Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết giữa bà L và ông H không có quan hệ hôn nhân thực tế. Ông H có vợ thực tế là bà Nguyễn Thu V, có 05 người con chung là Tô Mỹ T, Tô Chí D, Tô Bội T, Tô Chí P, Tô Chí Ph, đều có họ tên mẹ là Nguyễn Thu V trên Giấy khai sinh. Nay bà L yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật với ông Tô Vi H thì đề nghị Tòa án nhân dân Quận 8 căn cứ quy định của pháp luật để xem xét chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của của nguyên đơn là bà Nguyễn Thu L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách đương sự; Thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng văn bản tố tụng; Thu thập chứng cứ đúng theo quy định; Tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự; Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu L về việc hủy kết hôn trái pháp luật với ông Tô Vi H. Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thu L khởi kiện yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với ông Tô Vi H, ông H có địa chỉ cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 7 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Nguyễn Thu L thuộc tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Tô Vi H có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thu V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét

xử vắng mặt ông H, bà V là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thu L và bị đơn ông Tô Vi H thì cả hai cùng thống nhất không đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1991. Thực tế là bà V đăng ký kết hôn với ông H chứ không phải bà L. Ông H và bà L khẳng định không có quan hệ vợ chồng, không có hôn nhân thực tế, không có con chung. Việc có hồ sơ đăng ký kết hôn giữa ông H và bà L tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có thể do bà V nhảm lẫn về giấy tờ nhân thân vì bà V và bà L là hai chị em ruột và do bà V, ông H, bà L đều không biết chữ. Lời khai này của ông H và bà L là phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể theo văn bản trả lời xác minh số 336/UBND ngày 17/6/2022 thì Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có hồ sơ đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Thu L và ông Tô Vi H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67 cấp ngày 19/11/1991 nhưng thực tế ông Tô Vi H và bà Nguyễn Thu L không có quan hệ vợ chồng, không có con chung; ông Tô Vi H có vợ là bà Nguyễn Thu V, ông H và bà V có 05 người con chung là Tô Mỹ T, Tô Chí D, Tô Bội T, Tô Chí P, Tô Chí Ph. Cả năm người con này của ông H và bà V đều có họ tên mẹ là Nguyễn Thu V trên giấy khai sinh.

Căn cứ các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 thì có đủ cơ sở để cho rằng việc kết hôn giữa ông Tô Vi H và bà Nguyễn Thu L là trái pháp luật. Do đó, căn cứ các Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC- VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu về việc bà Nguyễn Thu L về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật với ông Tô Vi H là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.]. Về con chung:

Bà Nguyễn Thu L và ông Tô Vi H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà L và ông H xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà L và ông H xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, thì ông Tô Vi H phải chịu án do yêu cầu của bà Nguyễn Thu L được Tòa án chấp nhận. Bà Nguyễn Thu L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986;

Căn cứ các Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 3, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thu L.
 - Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thu L và ông Tô Vi H.
 - Hủy Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Nguyễn Thu L và ông Tô Vi H số 67 do Ủy ban nhân dân 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/1991.
 - Về con chung: Bà Nguyễn Thu L và ông Tô Vi H không có con chung.
 - Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thu L và ông Tô Vi H cùng xác định không có.
 - Về nợ chung: Bà Nguyễn Thu L và ông Tô Vi H cùng xác định không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tô Vi H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thu L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0016395 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 14, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Quân